

260. Trật tự, an toàn xã hội*Social order and safety*

	2014	2015	2016	2017	Sơ bộ Prel. 2018
Tai nạn giao thông - Traffic accidents					
Số vụ tai nạn (Vụ) - Number of traffic accidents (Case)	363	329	306	280	262
Đường bộ - Roadway	363	329	306	280	262
Đường sắt - Railway	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa - Inland waterway	-	-	-	-	-
Số người chết (Người) - Number of deaths (Person)	182	170	187	159	185
Đường bộ - Roadway	182	170	187	159	185
Đường sắt - Railway	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa - Inland waterway	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người) - Number of injured (Person)	399	365	291	241	221
Đường bộ - Roadway	399	365	291	241	221
Đường sắt - Railway	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa - Inland waterway	-	-	-	-	-
Cháy, nổ - Fire, explosion					
Số vụ cháy, nổ (Vụ) - Number of fire, explosion cases (Case)	27	27	48	31	27
Số người chết (Người) - Number of deaths (Person)	1	1	-	2	6
Số người bị thương (Người) - Number of injured (Person)	-	3	-	-	4
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng) - Total estimated damaging property value (Mill.)	2.582,0	4.103,5	57.203,2	10.588,7	7.202,0